

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Mẫu số 01 A
KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT CÁC LOẠI ÁN
(Số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025)

Số TT		Đơn vị	Hình sự										Dân sự						Hôn nhân & gia đình													
			Thụ lý		Giải quyết	Tỷ lệ (%)		Chất lượng giải quyết		XX Lưu động		Số vụ trả hồ sơ VKS		Thụ lý		GQ		Tỷ lệ (%)		Chất lượng giải quyết		Hòa giải thành		Thụ lý		GQ		Tỷ lệ (%)		Chất lượng giải quyết		Hòa giải thành
												Chấp nhận	Không chấp nhận																			
I	TAND tỉnh	254	489	204	414	80,31	84,66	1	0	0	2	0	303	180	59,41	1	3	16	425	238	56,00	0	0	31								
1	Sơ thẩm	138	333	113	288	81,88	86,49	1	0	0	2	0	221	113	51,13	1	2	16	405	225	55,56	0	0	31								
2	Phúc thẩm	116	156	91	126	78,45	80,77	0	0	0	0	0	82	67	81,71	0	1	0	20	13	65,00	0	0	0								
II	TAND khu vực	729	1264	665	1104	91,22	87,34	3	2	6	10	3	1221	766	62,74	1	3	409	1615	1277	79,07	1	0	754								
1	TAND khu vực 1	133	240	120	207	90,23	86,25	2	0	0	2	3	237	167	70,46	1	1	93	225	168	74,67	1	0	111								
2	TAND khu vực 2	60	98	56	89	93,33	90,82	0	2	0	2	0	62	32	51,61	0	0	11	164	120	73,17	0	0	44								
3	TAND khu vực 3	76	164	66	120	86,84	73,17	1	0	0	0	0	136	78	57,35	0	1	41	150	110	73,33	0	0	66								
4	TAND khu vực 4	83	141	75	116	90,36	82,27	0	0	4	2	0	131	76	58,02	0	1	44	196	159	81,12	0	0	106								
5	TAND khu vực 5	142	257	133	236	93,66	91,83	0	0	1	1	0	191	126	65,97	0	0	64	235	193	82,13	0	0	135								
6	TAND khu vực 6	72	112	63	99	87,50	88,39	0	0	0	3	0	218	162	74,31	0	0	106	219	186	84,93	0	0	128								
7	TAND khu vực 7	99	147	91	136	91,92	92,52	0	0	1	0	0	45	31	68,89	0	0	13	159	137	86,16	0	0	99								
8	TAND khu vực 8	64	105	61	101	95,31	96,19	0	0	0	0	0	201	94	46,77	0	0	37	267	204	76,40	0	0	65								
TỔNG I+II		983	1753	869	1518	88,40	86,59	4	2	6	12	3	1524	946	62,07	2	6	425	2040	1515	74,26	1	0	785								

Người tổng hợp

Quảng Trị, ngày 30 tháng 7 năm 2025

Chánh án



Phan Thị Diễm Ý

Nguyễn Hữu Tuyền

Số TT	Đơn vị	KDTM					Lao động					Hành chính					Phá sản						
		Thụ lý	GQ	Tỷ lệ (%)	Chất lượng giải quyết		Thụ lý	GQ	Tỷ lệ (%)	Chất lượng giải quyết		Hòa giải thành	Thụ lý	GQ	Tỷ lệ (%)	Đối thoại thành công			Thụ lý	GQ	Tỷ lệ (%)		
I	TAND tỉnh	55	31	56,36	0	0	1	2	2	0	0	0	0	44	25	56,82	0	0	7	0	0	0	
1	Sơ thẩm	33	14	42,42	0	0	1	0	0	0	0	0	0	44	25	56,82	0	0	7	0	0	0	
2	Phúc thẩm	22	17	77,27	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	TAND khu vực	212	136	64,15	1	1	68	3	2	66,67	0	0	0	1	5	5	100	0	0	1	1	0	0
1	TAND khu vực 1	76	46	60,53	1	0	28	2	2	100,00	0	0	0	1	1	1	100	0	0	0	0	0	0
2	TAND khu vực 2	14	10	71,43	0	0	4	0	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	TAND khu vực 3	16	11	68,75	0	0	5	0	0	0,00	0	0	0	0	1	1	100	0	0	1	0	0	0
4	TAND khu vực 4	16	11	68,75	0	0	3	0	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
5	TAND khu vực 5	52	27	51,92	0	0	18	1	0	0,00	0	0	0	0	2	2	100	0	0	0	0	0	0
6	TAND khu vực 6	15	13	86,67	0	0	6	0	0	0,00	0	0	0	0	1	1	100	0	0	0	0	0	0
7	TAND khu vực 7	10	8	80,00	0	1	2	0	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	TAND khu vực 8	13	10	76,92	0	0	2	0	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG I+II	267	167	62,55	1	1	69	5	4	80	0	0	0	1	49	30	61,22	0	0	8	1	0	0

Người tổng hợp

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

Chánh án

Phan Thị Diễm Ý



Nguyễn Hữu Tuyền

Số TT	Đơn vị	Áp dụng BPHC tại Tòa			Số vụ án quá hạn luật định		Số phiên tòa rút kinh nghiệm	Số bản án được công khai	Số vụ uỷ thác tư pháp đã thực hiện			TỔNG SỐ ÁN BỊ HỦY, SỬA				TỔNG SỐ			Hoà giải, đối thoại thành	Tỷ lệ (%)	Tổng giải quyết sau khi trừ hình sự (lấy để tính % Hòa giải thành)
		Thụ lý	GQ	Tỷ lệ (%)	Đã giải quyết	Chưa giải quyết			Số vụ uỷ thác tư pháp đã thực hiện	Án sửa do lỗi chủ quan	Tỷ lệ (%)	Án hủy do lỗi chủ quan	Tỷ lệ (%)	Án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan	Tỷ lệ (%)	Thụ lý	GQ	Tỷ lệ (%)			
I	TAND tỉnh	0	0	0	0	0	3	297	83	3	0,22	7	0,51	10	0,74	1083	680	62,79	51	10,71	476
1	Sơ thẩm	0	0	0	0	0	1	0	83	3	0,31	3	0,31	6	0,61	841	490	58,26	51	13,53	377
2	Phúc thẩm	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0,00	4	1,05	4	1,05	242	190	78,51	0	0,00	99
II	TAND cấp huyện	86	80	93	0	0	25	1686	103	6	0,11	6	0,11	12	0,21	3.787	2820	74,47	1022	47,42	2155
1	TAND khu vực 1	19	19	100	0	0	4	400	43	5	0,53	6	0,63	11	1,16	674	473	70,18	233	66,01	353
2	TAND khu vực 2	6	6	100	0	0	0	185	0	0	0,00	2	0,46	2	0,46	301	218	72,43	59	36,42	162
3	TAND khu vực 3	5	5	100	0	0	5	220	30	1	0,19	1	0,19	2	0,38	380	266	70,00	144	72,00	200
4	TAND khu vực 4	18	18	100	0	0	6	287	0	0	0,00	1	0,16	1	0,16	426	321	75,35	153	62,20	246
5	TAND khu vực 5	12	12	100	0	0	3	290	23	0	0,00	0	0,00	0	0,00	623	481	77,21	20	5,75	348
6	TAND khu vực 6	8	8	100	0	0	4	88	4	0	0,00	0	0,00	0	0,00	525	425	80,95	249	68,78	362
7	TAND khu vực 7	11	5	45	0	0	3	175	3	0	0,00	1	0,19	1	0,19	313	267	85,30	114	64,77	176
8	TAND khu vực 8	7	7	100	0	0	0	41	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	545	369	67,71	50	16,23	308
TỔNG I+II		86	80	93	0	0	28	1983	186	9	0,13	13	0,19	22	0,31	4.870	3500	71,87	1073	40,78	2631

Người tổng hợp

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

Chánh án

Phan Thị Diễm Ý

Nguyễn Hữu Tuyển



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

THÔNG KÊ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
VÀ GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/5/2025)

STT	Đơn vị	Số người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật	Số đã uỷ thác	Số ra quyết định thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ	Giám án, Thưa trước thời hạn	Rút ngắn thời gian thử thách của án treo	Công tác kiểm tra nghiệp vụ						Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo					
															Thụ lý		Giải quyết		Còn	
									Số bản án, quyết định có H.L.P.L của TAND cấp huyện	Số bản án, quyết định đã kiểm tra	Số hồ sơ vụ án đã kiểm tra	Số hồ sơ thi hành án đã kiểm tra	Số đơn vị TAND cấp huyện hiện có	Số đơn vị TAND cấp huyện đã kiểm tra	Đơn thuộc thẩm quyền	Đơn không thuộc thẩm quyền	Đơn thuộc thẩm quyền	Đơn không thuộc thẩm quyền (chuyển hoặc trả đơn)	Đơn thuộc thẩm quyền	Đơn không thuộc thẩm quyền
I	TAND tỉnh	186	5	181	9	0	658	0	1.574	1.575	3823	1.373	0	0	11	0	6	5	0	0
II	TAND khu vực	953	107	829	36	1	29	186	0	0	0	0	8	8	8	5	7	6	0	0
Tổng TAND hai cấp		1139	112	1010	45	1	687	186	1574	1575	3823	1.373	8	8	16	5	10	11	0	0

Phan Thị Diễm Ý



Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

Người tổng hợp

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hữu Tuyển

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

KẾT QUẢ CÔNG TÁC HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI THEO LUYẾT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN
(Số liệu tính từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/5/2025)

TT		Đơn vị	THEO LUYẾT HÒA GIẢI ĐỐI THOẠI																	Ghi chú			
			Dân sự			Hôn nhân & gia đình			KDTM			Lao động			Hành chính				TỔNG CỘNG				
			Số vụ việc nhận được	Số vụ việc chuyển sang hòa giải	Hòa giải thành	Số vụ việc nhận được	Số vụ việc chuyển sang hòa giải	Hòa giải thành	Số vụ việc nhận được	Số vụ việc chuyển sang hòa giải	Hòa giải thành	Số vụ việc nhận được	Số vụ việc chuyển sang hòa giải	Hòa giải thành	Khiếu kiện nhận được	Khiếu kiện chuyển sang đối thoại	Đối thoại thành	Tổng số vụ việc, khiếu kiện nhận được	Tổng chuyển sang hòa giải, đối thoại		Tỷ lệ (%)	Tổng Hòa giải, đối thoại thành	Tỷ lệ (%)
I	TAND tỉnh	118	16	-	502	25	12	31	-	-	-	-	35	2	-	686	43	6,27	12	27,91			
II	TAND cấp huyện	808	81	25	1.876	768	527	96	11	9	3	-	6	-	-	2.786	860	30,87	561	65,23			
Tổng cộng		926	97	25	2.378	793	539	127	11	9	3	-	41	2	-	3.472	903	26,01	573	63,46			

Người tổng hợp

Phan Thị Diễm Ý

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hữu Tuyền